Ký bởi: Bộ Công Thương
Cơ quan: Bộ Công thương
Thời gian ký: 05.04.2022 09:0

BỘ CÔNG THƯƠNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CH A VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự d phúc
Số: 621 /QĐ-BCT	

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 3062/QĐ-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Công văn số 1119/BTC-HCSN ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ Tài chính về việc phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính và Đổi mới doanh nghiệp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 cho các đơn vị hành chính, sự nghiệp thuộc Bộ Công Thương.

(chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách năm 2022 được giao, Quyết định điều chỉnh dự toán, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tài chính và Đổi mới doanh nghiệp và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đặng Hoàng An

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Tài chính (Vụ HCSN, Vụ NSNN);
- Kho bạc Nhà nước;
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- KBNN nơi đơn vị giao dịch;
- Hệ thống TABMIS;
- Cổng thông tin điện tử BCT;
- Lưu: VT, TC.

BỘ CÔNG THƯƠNG

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH GIAO DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2022
SỰ NGHIỆP KINH TẾ

(kèm theo Quyết định số: 621 /QĐ-BCT ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	KBNN nơi đơn vị giao dịch	Mã KBNN	Mã NS đơn vị sử dụng	Ngân sách nhà nước 2022		
					Kinh phí không thường xuyên		
					Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)	Dự toán còn lại sau điều chỉnh
A	B	C	D	Đ	3	4	5
I	**Loại 280 - 309: Chương trình khuyến công quốc gia**				**6.890**	**6.890**	**133.110**
	Cục Công Thương địa phương (1)	KBNN Hoàn Kiếm, HN	0013	1.131.521		6.890	133.110
	Trường Đại học Sao Đỏ	KBNN Chí Linh, Hải Dương	0366	1.054.186	500		
	Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số	KBNN Hoàn Kiếm, HN	0013	1.113.501	1.620		
	Báo Công Thương	KBNN Hoàn Kiếm, HN	0013	1.022.389	1.520		
	Trường Đào tạo bồi dưỡng Cán bộ Công thương Trung ương	Q. Hoàng Mai - Hà Nội	0025	1055490	1.250		
	Viện Nghiên cứu chiến lược, chính sách Công Thương	Thành phố - Hà Nội	0011	1054054	1.200		
	Tạp chí Công Thương	KBNN Cầu Giấy, HN	0023	1.074.871	300		
	Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định	Tỉnh Nam Định	0261	1.054.188	500		
II	**Loại 280-309: Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ**				**19.107**	**19.107**	**145.893**
	Cục Công nghiệp (2)	Thành phố Hà Nội	0011	1.131.529		**19.107**	**145.893**
	Báo Công Thương	KBNN Hoàn Kiếm, HN	0013	1.022.389	1.500		
	Nhà Xuất bản Công Thương	VP KBNN Hà Nội	0011	1.101.795	1.300		
	Tạp chí Công Thương	KBNN Cầu Giấy, HN	0023	1.074.871	1.000		
	Trung tâm Thông Tin Công nghiệp và Thương mại	KBNN Hoàn Kiếm, HN	0013	1.055.532	600		
	Cục Phòng vệ thương mại (3)	Thành phố Hà Nội	0011	1.131.523	700		
	Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế	Thừa Thiên Huế	1611	1.054.182	1.200		
	Trường Cao đẳng Công Thương Miền Trung	Phú Yên	2161	1.054.211	1.300		
	Trường Đại học Công nghiệp Thành phố HCM	Quận Gò vấp - TP HCM	0121	1.054.141	5.190		

TT	Nội dung	KBNN nơi đơn vị giao dịch	Mã KBNN	Mã NS đơn vị sử dụng	Ngân sách nhà nước 2022		
					Kinh phí không thường xuyên		
					Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)	Dự toán còn lại sau điều chỉnh
	Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp	Quận Hai Bà Trưng- HN	0014	1.054.140	817		
	Đại học Sao Đỏ	Chí Linh - Hải Dương	0366	1.054.186	1.300		
	Trường Đào tạo bồi dưỡng Cán bộ Công thương Trung ương	Q. Hoàng Mai - Hà Nội	0025	1.055.490	1.000		
	Văn phòng Bộ	Thành phố Hà Nội	0011	1.053.956	700		
	Viện Nghiên cứu Da Giầy	KBNN Tây Hồ, Hà Nội	0021	1.054.096	2.500		
III	**Loại 280-338, 321: Kinh phí thực hiện các hoạt động của Bộ Công Thương phục vụ các chương trình, đề án**				**10.000**	**10.000**	**20.000**
	Văn phòng Bộ Công Thương (280-338)	Thành phố Hà Nội	0011	1.053.956		10.000	20.000
	Cục Xúc tiến thương mại (điều chỉnh tăng kinh phí XTTM quốc gia) (280-321)	KBTW	0003	1.113.499	10.000		
IV	**Loại 280-321, 332: Kinh phí thực hiện nhiệm vụ, đề án**						
1	**Kinh phí triển khai Kế hoạch thực thi Hiệp định CPTPP năm 2022 của Bộ Công Thương (loại 280-321)**				**6.100**	**6.100**	**2.400**
	Văn phòng Bộ	Thành phố Hà Nội	0011	1.053.956		**6.100**	**2.400**
	Cục Phòng vệ thương mại	Thành phố Hà Nội	0011	1.131.523	330		
	Cục Xúc tiến thương mại	Thành phố Hà Nội	0011	1.113.499	500		
	Cục Xuất Nhập khẩu	KBTW	0003	1.117.402	390		
	Trung tâm Thông Tin Công nghiệp và Thương mại (loại 280-332)	KBNN Hoàn Kiếm, HN	0013	1.055.532	500		
	Trường Đào tạo bồi dưỡng Cán bộ Công thương Trung ương	Q. Hoàng Mai - Hà Nội	0025	1.055.490	900		
	Viện Nghiên cứu chiến lược, chính sách Công Thương	Thành phố - Hà Nội	0011	1.054.054	500		
	Tạp chí Công Thương	KBNN Cầu Giấy, HN	0023	1.074.871	1.200		
	Báo Công Thương	KBNN Hoàn Kiếm, HN	0013	1.022.389	1.430		
	Văn phòng Ban chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế	Thành phố Hà Nội	0011	1.052.026	350		
2	**Kinh phí triển khai Kế hoạch thực hiện Hiệp định EVFTA của Bộ Công Thương (loại 280-321)**				**11.862**	**11.862**	**4.138**
	Văn phòng Bộ	Thành phố Hà Nội	0011	1.053.956		11.862	4.138

TT	Nội dung	KBNN nơi đơn vị giao dịch	Mã KBNN	Mã NS đơn vị sử dụng	Ngân sách nhà nước 2022		
					Kinh phí không thường xuyên		
					Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)	Dự toán còn lại sau điều chỉnh
	Cục Phòng vệ thương mại	Thành phố Hà Nội	0011	1.131.523	750		
	Cục Xúc tiến thương mại	Thành phố Hà Nội	0011	1.113.499	1.720		
	Cục Xuất Nhập khẩu	KBTW	0003	1.117.402	800		
	Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số	KBNN Hoàn Kiếm, HN	0013	1.113.501	200		
	Cục Cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng	Thành phố Hà Nội	0011	1.131.518	450		
	Trung tâm Thông Tin Công nghiệp và Thương mại (loại 280-332)	KBNN Hoàn Kiếm, HN	0013	1.055.532	1.302		
	Trường Đào tạo bồi dưỡng Cán bộ Công thương Trung ương	Q. Hoàng Mai - Hà Nội	0025	1.055.490	2.220		
	Viện Nghiên cứu chiến lược, chính sách Công Thương	Thành phố - Hà Nội	0011	1.054.054	500		
	Viện Nghiên cứu Da Giầy	Quận Tây Hồ - Hà Nội	0021	1.054.096	700		
	Tạp chí Công Thương	KBNN Cầu Giấy, HN	0023	1.074.871	1.440		
	Báo Công Thương	KBNN Hoàn Kiếm, HN	0013	1.022.389	1.780		
3	**Kinh phí triển khai Kế hoạch thực hiện Hiệp định UKVFTA của Bộ Công Thương (loại 280-321)**				**3.728**	**3.728**	**1.880**
	Văn phòng Bộ	Thành phố Hà Nội	0011	1.053.956		**3.728**	**1.880**
	Cục Xuất Nhập khẩu	KBTW	0003	1.117.402	300		
	Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số	KBNN Hoàn Kiếm, HN	0013	1.113.501	100		
	Trung tâm Thông Tin Công nghiệp và Thương mại (loại 280-332)	KBNN Hoàn Kiếm, HN	0013	1.055.532	400		
	Trường Đào tạo bồi dưỡng Cán bộ Công thương Trung ương	Q. Hoàng Mai - Hà Nội	0025	1.055.490	1.200		
	Tạp chí Công Thương	KBNN Cầu Giấy, HN	0023	1.074.871	718		
	Báo Công Thương	KBNN Hoàn Kiếm, HN	0013	1.022.389	1.010		
4	**Kinh phí thực hiện Đề án Cổng thông tin điện tử về các Hiệp định thương mại tự do của Việt Nam (FTAP) (loại 280-321)**				**1.400**	**1.400**	**2.100**
	Văn phòng Bộ	Thành phố Hà Nội	0011	1.053.956		1.400	2.100
	Cục Phòng vệ thương mại	Thành phố Hà Nội	0011	1.131.523	215		
	Cục Xuất Nhập khẩu	KBTW	0003	1.117.402	150		

TT	Nội dung	KBNN nơi đơn vị giao dịch	Mã KBNN	Mã NS đơn vị sử dụng	Ngân sách nhà nước 2022		
					Kinh phí không thường xuyên		
					Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)	Dự toán còn lại sau điều chỉnh
	Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số	KBNN Hoàn Kiếm, HN	0013	1.113.501	1.035		
5	**Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2021-2025 (loại 280-321)**				**2.600**	**2.600**	**1.400**
	Văn phòng Bộ	Thành phố Hà Nội	0011	1.053.956		2.600	1.400
	Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Thương mại	Hà Đông - Hà Nội	0026	1.055.485	400		
	Trường Đào tạo bồi dưỡng Cán bộ Công thương Trung ương	Q. Hoàng Mai - Hà Nội	0025	1.055.490	200		
	Viện Nghiên cứu chiến lược, chính sách Công Thương	Thành phố - Hà Nội	0011	1.054.054	500		
	Báo Công Thương	KBNN Hoàn Kiếm, HN	0013	1.022.389	200		
	Trung tâm Thông Tin Công nghiệp và Thương mại (loại 280-332)	KBNN Hoàn Kiếm, HN	0013	1.055.532	600		
	Cục Xúc tiến thương mại (Trung tâm Truyền thông Truyền hình Công Thương) (5)	Thành phố Hà Nội	0011	1.113.499	300		
	Tạp chí Công Thương	KBNN Cầu Giấy, HN	0023	1.074.871	400		
6	**Đề án phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam giai đoạn 2021-2025 (loại 280-321)**				**4.100**	**4.100**	**9.900**
	Văn phòng Bộ	Thành phố Hà Nội	0011	1.053.956		4.100	9.900
	Báo Công Thương	KBNN Hoàn Kiếm, HN	0013	1.022.389	150		
	Tạp chí Công Thương	KBNN Cầu Giấy, HN	0023	1.074.871	1.150		
	Cục Xúc tiến thương mại (Trung tâm Truyền thông Truyền hình Công Thương)	Thành phố Hà Nội	0011	1.113.499	600		
	Trường Đào tạo bồi dưỡng Cán bộ Công thương Trung ương	Q. Hoàng Mai - Hà Nội	0025	1.055.490	500		
	Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Thương mại	Hà Đông - Hà Nội	0026	1.055.485	600		
	Trường Cao đẳng Công nghiệp Thực phẩm	Phú Thọ	1261	1.054.144	200		
	Trường Cao đẳng Du lịch và Công Thương	Cẩm Giàng - Hải Dương	0365	1.055.491	400		
	Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số	KBNN Hoàn Kiếm, HN	0013	1.113.501	500		

TT	Nội dung	KBNN nơi đơn vị giao dịch	Mã KBNN	Mã NS đơn vị sử dụng	Ngân sách nhà nước 2022		
					Kinh phí không thường xuyên		
					Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)	Dự toán còn lại sau điều chỉnh
7	**Đề án "Xây dựng và vận hành hiệu quả Hệ thống Cảnh báo sớm về Phòng vệ thương mại" (Quyết định số 316/QĐ-TTg ngày 01/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ) năm 2022 (loại 280-321)**				**2.300**	**2.300**	**7.700**
	Cục Phòng vệ thương mại	Thành phố Hà Nội	0011	1.131.523		2.300	7.700
	Cục Hóa chất	Thành phố Hà Nội	0011	1.113.503	1.200		
	Báo Công Thương	KBNN Hoàn Kiếm, HN	0013	1.022.389	500		
	Trường Đào tạo bồi dưỡng Cán bộ Công thương Trung ương	Q. Hoàng Mai - Hà Nội	0025	1.055.490	600		
8	**Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững (loại 280-321)**				**3.100**	**3.100**	**8.900**
	Văn phòng Bộ	Thành phố Hà Nội	0011	1.053.956		3.100	8.900
	Viện Nghiên cứu Da Giầy	Quận Tây Hồ - Hà Nội	0021	1.054.096	800		
	Viện Khoa học và Công nghệ Mỏ - Luyện kim	Q. Đống Đa - Hà Nội	0015	1.054.057	800		
	Viện Nghiên cứu Sành sứ Thuỷ tinh công nghiệp	Q.Thanh Xuân - Hà Nội	0022	1.054.060	500		
	Báo Công Thương	KBNN Hoàn Kiếm, HN	0013	1.022.389	200		
	Tạp chí Công Thương	KBNN Cầu Giấy, HN	0023	1.074.871	300		
	Cục Cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng	Thành phố Hà Nội	0011	1.131.518	500		
9	**Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030 (loại 280-321)**				**3.050**	**3.050**	**26.950**
	Văn phòng Bộ	Thành phố Hà Nội	0011	1.053.956		3.050	26.950
	Đại học Điện lực	Q. Cầu Giấy - Hà Nội	0023	1.054.525	700		
	Viện Năng lượng	Q. Đống Đa - Hà Nội	0015	1.054.529	500		
	Cục Công Thương địa phương (Trung tâm Khuyến Công và tư vấn phát triển công nghiệp 1)	KBNN Hoàn Kiếm, HN	0013	1.131.521	500		
	Cục Điều tiết điện lực (Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển thị trường điện lực và Đào tạo	KBNN Thanh Xuân - Hà Nội	0022	1.113.502	950		
	Báo Công Thương	KBNN Hoàn Kiếm, HN	0013	1.022.389	200		
	Tạp chí Công Thương	KBNN Cầu Giấy, HN	0023	1.074.871	200		

TT	Nội dung	KBNN nơi đơn vị giao dịch	Mã KBNN	Mã NS đơn vị sử dụng	Ngân sách nhà nước 2022		
					Kinh phí không thường xuyên		
					Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)	Dự toán còn lại sau điều chỉnh
10	**Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương (loại 280-321)**				**5.600**	**5.600**	**1.900**
	Văn phòng Bộ	Thành phố Hà Nội	0011	1.053.956		5.600	1.900
	Cục Công nghiệp	Thành phố Hà Nội	0011	1.131.529	700		
	Viện Nghiên cứu Sành sứ Thuỷ tinh công nghiệp	Q.Thanh Xuân - Hà Nội	0022	1.054.060	600		
	Viện Nghiên cứu Da Giầy	Quận Tây Hồ - Hà Nội	0021	1.054.096	800		
	Cục Xuất Nhập khẩu	KBTW	0003	1.117.402	200		
	Cục Cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng	Thành phố Hà Nội	0011	1.131.518	200		
	Viện Nghiên cứu chiến lược, chính sách Công Thương	Thành phố - Hà Nội	0011	1.054.054	1.500		
	Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số (Trung tâm tin học và Công nghệ số) (4)	KBNN Hoàn Kiếm, HN	0013	1.113.501	800		
	Tạp chí Công Thương	KBNN Cầu Giấy, HN	0023	1.074.871	800		
11	**Đề án Đổi mới phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030 (loại 280-321)**				**1.100**	**1.100**	**810**
	Văn phòng Bộ	Thành phố Hà Nội	0011	1.053.956		1.100	**810**
	Trung tâm Thông Tin Công nghiệp và Thương mại (loại 280-332)	KBNN Hoàn Kiếm, HN	0013	1.055.532	800		
	Báo Công Thương	KBNN Hoàn Kiếm, HN	0013	1.022.389	300		
12	**Kinh phí xây dựng các Chiến lược và các báo cáo ĐMC**				**400**	**400**	**0**
	Văn phòng Bộ (loại 280-338). Đề án (Vụ DKT) đã được bố trí trong Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương.	Thành phố Hà Nội	0011	1.053.956		400	0
	Cục Xúc tiến thương mại (loại 280-321) (bổ sung kinh phí thành lập các VP XTTM tại Trung Quốc)	Thành phố Hà Nội	0011	1.113.499	400		

Ghi chú:

1 Chương trình khuyến công quốc gia

Cục Công Thương địa phương (1): trong đó đã bao gồm kinh phí của 133.110 *triệu đồng*

Trung tâm Khuyến Công và tư vấn phát triển công nghiệp 1 *24.380* *triệu đồng*

TT	Nội dung	KBNN nơi đơn vị giao dịch	Mã KBNN	Mã NS đơn vị sử dụng	Ngân sách nhà nước 2022		
					Kinh phí không thường xuyên		
					Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)	Dự toán còn lại sau điều chỉnh

2 Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ

- Cục Công nghiệp (2): trong đó đã bao gồm kinh phí của 145.893 triệu đồng

Trung tâm Hỗ trợ phát triển công nghiệp (IDC) *41.504 triệu đồng*

Trung tâm Kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp khu vực phía Nam (IDCS) (đã điều chỉnh giảm 10.000 triệu đồng về Văn phòng Bộ) *75.469 triệu đồng*

- Cục Phòng vệ thương mại (3) kinh phí của: 700 triệu đồng

Trung tâm thông tin và Cảnh báo *700 triệu đồng*

3 Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương

- Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số (4) kinh phí của: 800 triệu đồng

Trung tâm tin học và Công nghệ số *800 triệu đồng*

4 Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2021-2025

- Cục Xúc tiến thương mại (5) kinh phí của: 300 *triệu đồng*

Trung tâm Truyền thông Truyền hình Công Thương *300 triệu đồng*

BỘ CÔNG THƯƠNG

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH GIAO DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2022
QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH

(kèm theo Quyết định số: 621 /QĐ-BCT ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	KBNN nơi đơn vị giao dịch	Ngân sách nhà nước 2022		
			Kinh phí tự chủ đã giao tại Quyết định số 3062/QĐ-BCT ngày 31/12/2021	Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ
A	B	C	1	2	3
I	**Loại 340 khoản 341**		**67.444**	**-67.444**	**67.444**
2	Văn phòng Ban chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế				
		Thành phố Hà Nội; Mã KBNN:0011; Mã NSNN: 1052026	267	-267	267
3	Cục Xúc tiến thương mại				
		Thành phố Hà Nội; Mã KBNN:0011; Mã NSNN: 1113499	699	-699	699
4	Cục Cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng				
		Thành phố Hà Nội; Mã KBNN:0011; Mã NSNN: 1131518	161	-161	161
5	Cục Phòng vệ thương mại				
		Thành phố Hà Nội; Mã KBNN:0011; Mã NSNN: 1131523	135	-135	135

TT	Nội dung	KBNN nơi đơn vị giao dịch	Ngân sách nhà nước 2022		
			Kinh phí tự chủ đã giao tại Quyết định số 3062/QĐ-BCT ngày 31/12/2021	Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ
6	Cục Công tác phía Nam	Quận I - TP HCM; Mã KBNN: 0133; Mã NSNN:1055527	1.157	-1.157	1.157
7	Tổng cục Quản lý thị trường				
		Thành phố Hà Nội; Mã KBNN:0011; Mã NSNN: 1113505	63.520	-63.520	63.520
8	Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số				
		KBNN Hoàn Kiếm- Hà Nội 0013; Mã NSNN: 1113501	92	-92	92
9	Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường Công nghiệp				
		KBNN Hoàn Kiếm- Hà Nội; Mã KBNN:0013; Mã NSNN: 1113500	124	-124	124
10	Cục Công Thương địa phương				
		KBNN Hoàn kiếm- Hà Nội; Mã KBNN:0013; Mã NSNN: 1131521	166	-166	166
11	Cục Điều tiết điện lực				
		KBNN Thanh Xuân - Hà Nội; Mã KBNN:0022; Mã NSNN: 1113502	497	-497	497
12	Cục Công nghiệp				
		Thành phố Hà Nội; Mã KBNN:0011; Mã NSNN: 1131529	0	0	0
13	Cục Hóa Chất				

TT	Nội dung	KBNN nơi đơn vị giao dịch	Ngân sách nhà nước 2022		
			Kinh phí tự chủ đã giao tại Quyết định số 3062/QĐ-BCT ngày 31/12/2021	Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ
		Thành phố Hà Nội; Mã KBNN:0011; Mã NSNN: 1113503	185	-185	185
14	Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo				
		VP KBNN HN, Mã KBNN: 0011; Mã ĐVSDNS: 1131508	163	-163	163
15	Cục Xuất Nhập khẩu	KBTW 0003, Mã Số: 1.117.402	278	-278	278